

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112				2022	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Cục Thống kê	Sở Tư Pháp	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					
1.2.3	Kiện toàn mô hình tổ chức đối với tổ chức thống kê bộ, ngành; củng cố nhân lực thống kê cho địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã)	0123	Sở Nội vụ	Sở, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	2022	2030	- KIỆN TOÀN mô hình tổ chức; KIỆN TOÀN các chức danh Lãnh đạo và bổ sung nguồn nhân lực; Số lượng công chức làm công tác thống kê.
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131			2022	Hàng năm	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao; - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Sở Nội vụ	Cục Thống kê và Sở, ngành liên quan	2022	Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Sở Nội vụ	Sở, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	2022	Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước;
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Sở Nội vụ	Sở, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	2022	Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132			2023	Hàng năm	
1.3.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	Sở Nội vụ	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2023	Hàng năm	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được ban hành
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Sở Nội vụ	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2023	Hàng năm	Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê
1.3.2.4	Tổ chức các khóa đào tạo, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Cục Thống kê	Sở Nội vụ	2023	Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức; - Số lượng công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn	0133			2023	Hàng năm	
1.3.3.1	Nghiên cứu tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho kế hoạch tuyển dụng người làm công tác thống kê	01331	Sở Nội vụ	Cục Thống kê và Sở Tư pháp	2023	Hàng năm	Ban hành văn bản quy định các tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ
1.3.3.2	Triển khai chính sách của Đảng, nhà nước về tuyển dụng, tiếp nhận... đối với công chức, viên chức tại vùng khó khăn	01332	Sở Nội vụ	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2023	Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã)	0145					
1.4.5.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	01451	Cục Thống kê	Sở Nội vụ và Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu nhân lực thống kê
1.4.5.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm	01453	Sở Nội vụ	Cục Thống kê và Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại địa phương	01454	Cục Thống kê	Sở Nội vụ và Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; số học viên tham dự các khóa đào tạo,
1.4.5.5	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại địa phương	01455	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Số lượng khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê; số lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1.4.5.6	Hợp tác, liên kết với các tổ chức trong nước và quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	01456	Cục Thống kê	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp và Sở, Ngành liên quan	2023	2030	Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng và đội ngũ giảng viên; Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223			2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.2.3.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Cục Thống kê	Sở Nội vụ và Sở, Ngành liên quan	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2.3.3	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành		Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2025	2030	Sổ cơ quan thống sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Cục Thống kê	Sở Nội vụ và Sở, Ngành liên quan	2024	2030	Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; Số lớp tập huấn về quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.4.2	Triển khai các hoạt động thống đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242			2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.2.1	Cụ thể các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Cục Thống kê	Sở Tư pháp và Sở, Ngành liên quan	2024	2030	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311			2022	2030	- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê; - Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.
3.1.1.1	- Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê (Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trực tuyến (webform); Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI); Ứng dụng thu thập thông tin theo hình thức phỏng vấn qua điện thoại với sự trợ giúp của máy tính (CATI);	03111	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra thống kê do UBND tỉnh ban hành được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
3.1.1.2	- Giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến;	03112	Cục Thống kê	Sở TT&TT, Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê
3.1.1.3	- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê: xử lý dữ liệu điều tra trực tuyến; phân tích dữ liệu bằng các phần mềm thống kê hiện đại.	03113	Cục Thống kê	Sở TT&TT, Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312			2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
3.1.2.1	- Sử dụng dữ liệu hành chính về con người;	03121	Cục Thống kê	Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Y tế; Tòa án nhân dân tỉnh; các địa phương	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê dân số được biên soạn
3.1.2.2	- Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai;	03122	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cục Thống kê; các địa phương	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê đất đai được biên soạn
3.1.2.3	- Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế;	03123	Cục Thống kê	Cục Thuế và Sở ngành, địa phương có liên quan	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê cơ sở kinh tế được biên soạn
3.1.2.4	- Sử dụng dữ liệu hành chính về thuế;	03124	Cục Thuế	Cục Thống kê; Các Sở, ngành địa phương có liên quan	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê thuế được biên soạn
3.1.2.5	- Sử dụng dữ liệu hành chính về hải quan;	03125	Cục Hải quan	Cục Thống kê; Các Sở, ngành và địa phương có liên quan	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa được biên soạn
3.1.2.6	- Sử dụng dữ liệu hành chính về bảo hiểm.	03126	BHXX tỉnh	Cục Thống kê; Các Sở, ngành và địa phương có liên quan	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê bảo hiểm được biên soạn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313			2022	2030	- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu; - Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra; - Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.3.1	- Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng (Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ gia đình; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là doanh nghiệp; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ nông, lâm, thủy sản...);	03131	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT và Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2022	2030	Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu
3.1.3.2	- Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê;	03132	Sở TT&TT	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2022	2030	Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra
3.1.3.3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Sở TT&TT	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2022	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu; Số giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin
3.1.3.5	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03135	Cục Thống kê	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2022	2030	Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422			2022	2030	
4.2.2.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	Cục Thống kê	Sở, Ngành có liên quan	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.2.2.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	Cục Thống kê	Sở, Ngành có liên quan	2022	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại.
4.2.2.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu phục vụ công tác phân tích và dự báo của ngành, lĩnh vực công tác	04223	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT và Sở, Ngành có liên quan	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431			2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.1.1	- Rà soát Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm;	04311	Cục Thống kê	Sở, Ngành, địa phương có liên quan	2022	2030	Các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
4.3.1.2	- Tăng cường việc biên soạn các chỉ tiêu về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic trong các báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; các ấn phẩm chuyên đề thông tin thống kê.	04312	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2023	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432			2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.3.2.1	- Xây dựng và chuẩn hóa maket của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào nhằm điện tử hóa maket;	04321	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Market thông tin đầu vào được điện tử hóa
4.3.2.2	- Nhập số liệu vào phần mềm, kiểm tra số liệu logic, cảnh báo các lỗi...	04322	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441			2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.4.1.1	Sử dụng mạng xã hội, đài, báo, tạp chí, trang web của các Bộ, ngành để phổ biến thông tin thống kê	04411	Sở TT&TT	Cục Thống kê và Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Số lượng hình thức phổ biến thông tin được áp dụng
4.4.1.2	Biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm, thay thế cho nội dung thông tin thống kê cần phổ biến	04412	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Số lượng nội dung được thay thế
4.4.1.3	Bổ sung thêm thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm để đa dạng nội dung phổ biến thông tin thống kê	04413	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Số liệu thống kê theo vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm
4.4.1.4	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, vai trò của thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê	04414	Cục Thống kê	Sở TT&TT và Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Kế hoạch tuyên truyền về vị trí, vai trò của thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê
4.4.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh	04415	Cục Thống kê	Sở Tư pháp và Sở, Ngành có liên quan	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh
4.4.1.6	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm	04416	Cục Thống kê	Sở TT&TT và Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong các buổi họp báo, ấn phẩm, website,...
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911				Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.
9.1.1.1	Xây dựng dự toán và phân bổ kinh phí đối với từng hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chiến lược hàng năm	09111	Sở Tài chính	Cục Thống kê và Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt
9.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0912				Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.1.2.1	Huy động nguồn vốn hợp pháp các từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho hoạt động thống kê nhà nước theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược	09121	Sở Tài chính	Cục Thống kê và Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.1.2.2	Phân bổ kinh phí huy động được từ nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược	09122	Sở Tài chính	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ nguồn vốn hợp pháp khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931			2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.3.1.1	Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tỉnh, huyện, xã	09311	Sở Tài chính	Cục Thống kê và Sở, Ngành có liên quan	2023	2025	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu của hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã
9.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932			2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.3.2.1	Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tỉnh, huyện, xã	09321	Sở Tài chính	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Hàng năm	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941			2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.1.1	Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê	09411	Sở Tài chính	Cục Thống kê và Sở, Ngành có liên quan	2025	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.1.2	Xây dựng kế hoạch mua sắm phương tiện và trang thiết bị làm việc cho hệ thống thống kê tập trung	09412	Cục Thống kê	Địa phương có liên quan	2025	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942			2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
9.4.2.1	Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	09421	Sở Tài chính	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	2025	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30						
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1012	Cục Thống kê	Sở, ngành có liên quan		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	1022				Tháng 7/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được ban hành
10.2.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	10221	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Tháng 7/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được ban hành
10.2.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	10222	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được cập nhật
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	103					
10.3.3	Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì	1033	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Tháng 9/2022	01 Hội nghị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132				Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.3.2.1	Tổ chức theo dõi thực hiện CLTK 21-30	11321	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Hàng năm	Báo cáo kết quả thực hiện trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141				Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.1.1	Tổ chức theo dõi quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan		Hàng năm	Báo cáo kết quả thực hiện

STT	Nội dung công việc	Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143			Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của địa phương (Từ Tháng 9-12/2025)
11.4.3.2	Tổ chức đánh giá sơ kết thực hiện CLTK21-30	11431	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144			Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ Tháng 7-10/2030)
11.4.4.2	Tổ chức đánh giá tổng kết thực hiện CLTK21-30	11441	Cục Thống kê	Sở, Ngành; địa phương có liên quan	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết; tổ chức Hội nghị tổng kết (Tháng 10-12/2030)